

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HÀ TRUNG  
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2021/HNGĐ-ST  
Ngày: 24- 03 - 2021  
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con  
khi ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀ TRUNG, TỈNH THANH HÓA**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* ông Đào Văn Nam.

*Các Hội thẩm nhân dân:* ông Trần Ngọc Châu và ông Dương Đông Phong.

**- Thư ký phiên tòa:** bà Lê Thị Thư - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:** bà Doãn Thị Luyện – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 03 năm 2021, tại trụ sở xét xử Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 193/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2020 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Phạm Thị P, sinh năm 1983. Vắng mặt.

Địa chỉ: tiểu khu T, thị trấn N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

2. Bị đơn: anh Lương Văn H, sinh năm 1979. Vắng mặt.

Địa chỉ: thôn V, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện đề ngày 06/11/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Phạm Thị P trình bày: chị và anh Lương Văn H tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 17/10/2010 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, quan điểm sống của vợ chồng hoàn toàn trái ngược nên vợ chồng đã ly thân từ tháng 02/2019 đến nay. Thời gian ly thân, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H.

Về con chung: chị P khai, vợ chồng có hai con chung. Các cháu tên là Lương Thị Huyền Linh N, sinh ngày 08/10/2003 và Lương Thu T, sinh ngày 11/04/2013. Hiện nay, các cháu đang ở với chị. Ly hôn, chị đề nghị được nuôi dưỡng hai cháu, không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Toà án đã tổng đạt hợp lệ, triệu tập anh Lương Văn H đến Toà án để viết bản khai nhưng anh H đã không có mặt mà không có lý do nên không có bản khai của anh H.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: quá trình nhận đơn khởi kiện, thụ lý, giải quyết, quyết định đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đương sự đã được thực hiện các quyền của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Chị P đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh H và được trực tiếp nuôi dưỡng các cháu Linh N và Thu T, ghi nhận sự tự nguyện của chị P về việc không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp với quy định tại Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị P.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: anh Lương Văn H đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để đến Tòa án tham gia phiên hòa giải nhưng không có mặt mà không có lý do nên Tòa án không tiến hành hoà giải được vụ án. Anh H cũng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt mà không có lý do, chị P vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị P và anh H là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về hôn nhân: chị Phạm Thị P và anh Lương Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, như vậy là hôn nhân hợp pháp. Theo chị P, sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, quan điểm sống của vợ chồng hoàn toàn trái ngược nên vợ chồng đã ly thân từ tháng 02/2019 đến nay. Thời gian ly thân, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau.

Theo biên bản xác minh ngày 03/12/2020, có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã H: trong quá trình chung sống, anh H có tính rệu rã, vợ chồng thường xuyên đánh chửi nhau, gây mất trật tự trị an dẫn đến đầu năm 2019, chị P đã bỏ về huyện N, cuối năm 2019, anh H đã bỏ đi khỏi địa phương cho đến nay. Theo Điều 19

Luật hôn nhân và gia đình, vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau và có nghĩa vụ sống chung với nhau. Như vậy, cuộc sống vợ chồng giữa chị P và anh H đã trở nên trầm trọng, vi phạm nghĩa vụ của vợ chồng dẫn đến mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 giải quyết cho chị P được ly hôn anh H là phù hợp

[3]. Về con chung: chị Phạm Thị P khai, vợ chồng có hai con chung. Các cháu tên là Lương Thị Huyền Linh N, sinh ngày 08/10/2003 và Lương Thu T, sinh ngày 11/04/2013. Chị P cũng xuất trình cho Tòa án giấy bản sao giấy khai sinh, trong đó xác định các cháu Linh N và Thu T là con chung của chị P và anh H. Mặt khác, các cháu được sinh ra trong thời kỳ hôn nhân nên đủ cơ sở khẳng định các cháu Linh N và Thu T là con chung của chị P và anh H. Từ khi vợ chồng sống ly thân, các cháu do chị P nuôi dưỡng, mặt khác các cháu đều có nguyện vọng được ở với chị P. Vì vậy, giao các cháu Linh N và Thu T cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Ghi nhận sự tự nguyện của chị P về việc không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4]. Về tài sản: chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[5]. Về án phí: chị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, khoản 1 Điều 88 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Về hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Phạm Thị P và anh Lương Văn H.

2. Về con chung: công nhận các cháu Lương Thị Huyền Linh N, sinh ngày 08/10/2003 và Lương Thu T, sinh ngày 11/04/2013 là con chung của chị Phạm Thị P và anh Lương Văn H. Giao các cháu Linh N và Thu T cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị P về việc không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh H có quyền đi lại, thăm nom con chung, không ai được cản trở. Anh H không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của chị P.

3. Về án phí: chị Phạm Thị P phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) chị P đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2019/0009243 ngày 06/11/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hà Trung. Chị P đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: chị Phạm Thị P và anh Lương Văn H có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Hà Trung;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký)*

**Đào Văn Nam**